TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 24/04/2021

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Lương Võ Tuấn Anh	Nam	28/09/2003	Bạc Liêu	5.7	7.0	1781/QĐ216/2021	TH001807	
2	Cao Minh Anh	Nam	20/03/2002	Nghệ An	5.7	5.5	1782/QĐ216/2021	TH001808	
3	Chu Quốc Bảo	Nam	24/02/2003	Nghệ An	5.3	7.0	1783/QĐ216/2021	TH001809	
4	Lê Đình Chất	Nam	14/06/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1784/QĐ216/2021	TH001810	
5	Nguyễn Hữu Cường	Nam	10/01/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1785/QĐ216/2021	TH001811	
6	Nguyễn Đăng Điệp	Nam	28/05/2003	Nghệ An	6.0	5.5	1786/QĐ216/2021	TH001812	
7	Hồ Trung Đức	Nam	06/03/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1787/QĐ216/2021	TH001813	
8	Nguyễn Trung Hà	Nam	10/01/2003	Nghệ An	6.3	7.0	1788/QĐ216/2021	TH001814	
9	Hà Thị Hiền	Nữ	29/04/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1789/QĐ216/2021	TH001815	
10	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	14/06/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1790/QĐ216/2021	TH001816	
11	Lương Thế Hoàng	Nam	17/04/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1791/QĐ216/2021	TH001817	
12	Lê Thị Cẩm Ly	Nữ	04/09/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1792/QĐ216/2021	TH001818	
13	Trần Thị Khánh Ly	Nữ	17/08/2003	Nghệ An	5.3	5.0	1793/QĐ216/2021	TH001819	
14	Hoàng Đình Mạnh	Nam	20/10/2003	Nghệ An	6.7	6.0	1794/QĐ216/2021	TH001820	
15	Đinh Thị Thanh Mến	Nữ	26/08/2003	Nghệ An	6.0	5.5	1795/QĐ216/2021	TH001821	
16	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	01/09/2003	Quảng Bình	5.3	6.5	1796/QĐ216/2021	TH001822	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
17	Nguyễn Văn Pháp	Nam	01/12/2003	Nghệ An	5.7	7.5	1797/QĐ216/2021	TH001823	
18	Trần Thị Phương	Nữ	24/11/2003	Nghệ An	6.0	6.5	1798/QĐ216/2021	TH001824	
19	Phan Quỳnh Phương	Nữ	08/08/2003	Nghệ An	6.3	7.0	1799/QĐ216/2021	TH001825	
20	Lê Thanh Phương	Nam	04/09/2003	Nghệ An	5.3	7.0	1800/QĐ216/2021	TH001826	
21	Hoàng Hồng Quân	Nam	15/06/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1801/QĐ216/2021	TH001827	
22	Nguyễn Hữu Quang	Nam	09/01/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1802/QĐ216/2021	TH001828	
23	Nguyễn Đức Quyền	Nam	22/09/2003	Nghệ An	6.7	7.0	1803/QĐ216/2021	TH001829	
24	Lê Đức Thắng	Nam	13/01/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1804/QĐ216/2021	TH001830	
25	Phan Văn Thêm	Nam	25/12/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1805/QĐ216/2021	TH001831	
26	Bùi Thị Vân Thu	Nữ	12/04/2003	Nghệ An	5.3	6.5	1806/QĐ216/2021	TH001832	
27	Thái Thị Thùy	Nữ	12/09/2003	Nghệ An	5.3	5.5	1807/QĐ216/2021	TH001833	
28	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	02/03/2003	Nghệ An	6.7	7.0	1808/QĐ216/2021	TH001834	
29	Hoàng Thị Quỳnh Trang	Nữ	22/03/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1809/QĐ216/2021	TH001835	
30	Thái Huyền Trang	Nam	20/02/2003	Nghệ An	6.3	7.0	1810/QĐ216/2021	TH001836	
31	Phùng Văn Thái Trường	Nam	09/01/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1811/QĐ216/2021	TH001837	
32	Cao Văn Tú	Nam	15/02/2003	Nghệ An	5.3	5.5	1812/QĐ216/2021	TH001838	
33	Trần Văn Tùng	Nam	14/04/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1813/QĐ216/2021	TH001839	
34	Nguyễn Thị Xinh	Nữ	28/05/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1814/QĐ216/2021	TH001840	
35	Đặng Thị Xoan	Nữ	06/03/2003	Nghệ An	5.3	7.0	1815/QĐ216/2021	TH001841	
36	Lê Tuấn An	Nam	30/07/2003	Nghệ An	6.3	6.0	1828/QĐ216/2021	TH001853	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
37	Lê Tuấn Anh	Nam	09/06/2002	Nghệ An	5.7	5.0	1829/QĐ216/2021	TH001854	
38	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	02/10/2002	Nghệ An	5.7	6.0	1830/QĐ216/2021	TH001855	
39	Nguyễn Hoàng Nhật Anh	Nam	15/03/2003	Nghệ An	5.0	6.0	1831/QĐ216/2021	TH001856	
40	Lê Cảnh Đạt	Nam	14/03/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1832/QĐ216/2021	TH001857	
41	Hoàng Trần Tiến Đạt	Nam	26/10/2003	Nghệ An	6.3	7.5	1833/QĐ216/2021	TH001858	
42	Nguyễn Văn Đô	Nam	17/05/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1834/QĐ216/2021	TH001859	
43	Đào Xuân Đức	Nam	19/02/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1835/QĐ216/2021	TH001860	
44	Nguyễn Văn Đức	Nam	04/08/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1836/QĐ216/2021	TH001861	
45	Lê Khánh Dương	Nam	15/07/2003	Nghệ An	6.3	7.0	1837/QĐ216/2021	TH001862	
46	Nguyễn Xuân Dương	Nam	19/10/2003	Nghệ An	5.3	6.5	1838/QĐ216/2021	TH001863	
47	Nguyễn Thị Kim Hoa	Nữ	23/05/2003	Nghệ An	6.0	5.0	1839/QĐ216/2021	TH001864	
48	Nguyễn Hồng Hưng	Nam	24/05/2002	Nghệ An	6.3	7.0	1840/QĐ216/2021	TH001865	
49	Ngũ Thị Huyền	Nữ	24/06/2003	Nghệ An	5.3	5.5	1841/QĐ216/2021	TH001866	
50	Ngũ Thị Khánh Huyền	Nữ	25/02/2003	Nghệ An	6.0	6.0	1842/QĐ216/2021	TH001867	
51	Đinh Quốc Khánh	Nam	15/03/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1843/QĐ216/2021	TH001868	
52	Nguyễn Văn Liêm	Nam	10/09/2003	Nghệ An	5.3	6.5	1844/QĐ216/2021	TH001869	
53	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	15/11/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1845/QĐ216/2021	TH001870	
54	Nguyễn Thị Ngà	Nữ	30/01/2003	Nghệ An	5.3	5.0	1846/QĐ216/2021	TH001871	
55	Nguyễn Bảo Ngọc	Nam	30/03/2003	Nghệ An	6.7	6.0	1847/QĐ216/2021	TH001872	
56	Nguyễn Trần Bảo Nhật	Nam	15/07/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1848/QĐ216/2021	TH001873	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
57	Nguyễn Tú Oanh	Nữ	30/10/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1849/QĐ216/2021	TH001874	
58	Nguyễn Văn Quang	Nam	30/05/2003	Nghệ An	6.3	5.0	1850/QĐ216/2021	TH001875	
59	Nguyễn Văn Quý	Nam	07/09/2003	Nghệ An	6.3	5.0	1851/QĐ216/2021	TH001876	
60	Nguyễn Đăng Tài	Nam	07/08/2001	Nghệ An	5.3	5.5	1852/QĐ216/2021	TH001877	
61	Nguyễn Xuân Thắng	Nam	05/10/2003	Nghệ An	6.0	5.0	1853/QĐ216/2021	TH001878	
62	Nguyễn Quang Thắng	Nam	01/09/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1854/QĐ216/2021	TH001879	
63	Phạm Văn Thành	Nam	07/03/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1855/QĐ216/2021	TH001880	
64	Nguyễn Bá Thế	Nam	19/02/2003	Nghệ An	6.3	7.5	1856/QĐ216/2021	TH001881	
65	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	06/02/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1857/QĐ216/2021	TH001882	
66	Nguyễn Văn Trưởng	Nam	16/04/2003	Nghệ An	5.3	5.0	1858/QĐ216/2021	TH001883	
67	Trần Lê Mạnh Tú	Nam	25/07/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1859/QĐ216/2021	TH001884	
68	Nguyễn Thị Mỹ Vui	Nữ	20/02/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1860/QĐ216/2021	TH001885	